

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và  
Kế hoạch đầu tư công năm 2023  
(Nguồn vốn ngân sách huyện)**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

**1. Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2022**

Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách huyện đã phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 là 124.664 triệu đồng, trong đó:

- Trả nợ các dự án hoàn thành, chuyển tiếp: 87.599 triệu đồng (chiếm 70,3% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Đầu tư các dự án khởi công mới năm 2022 đã hoàn thành thủ tục đầu tư: 4.250 triệu đồng (chiếm 3,4%).

- Các dự án khởi công mới đang thực hiện các thủ tục hồ sơ (phân bổ chi tiết khi hoàn thành các thủ tục theo quy định): 13.500 triệu đồng (chiếm 10,8% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Đối ứng xây dựng 03 nhà tránh lũ đa năng do Hội vì sự phát triển của người khuyết tật tỉnh Quảng Bình (AEPD) tài trợ: 2.315 triệu đồng (chiếm 1,9% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Đối ứng xây dựng KCH kênh mương và cứng hóa đường GTNT xã xây dựng NTM năm 2022: 2.500 triệu đồng (chiếm 2,0% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Hỗ trợ xây dựng một số tiêu chí XD NTM: 5.000 triệu đồng (chiếm 4% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính: 9.500 triệu đồng (chiếm 7,6% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

Việc xây dựng và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách huyện trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước. Quá trình phân bổ vốn đầu tư cũng đã bám sát các chương trình, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đồng thời đảm bảo sự cân đối giữa các vùng, các xã, thị trấn và giữa các nguồn vốn đầu tư tránh việc đầu tư chông chéo, mất công bằng giữa các xã, thị trấn và các đơn vị.

Công tác quản lý, điều hành vốn đầu tư xây dựng cơ bản luôn được huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo, qua đó kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư. Các giải pháp điều hành luôn bám sát thực tế, mục tiêu, phương hướng từng giai đoạn phù hợp với khả năng thực hiện và phù hợp với các qui định hiện hành; chủ động dự đoán, dự báo tình hình để sớm



đưa ra các giải pháp phù hợp. Thường xuyên chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ để có khối lượng giải ngân và thu hồi tạm ứng.

Tổng số giải ngân nguồn ngân sách huyện dự kiến đến ngày 31/12/2022 là 114.622 triệu đồng, đạt 91,94% so với Kế hoạch được giao đầu năm.

*(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)*

\* Tình hình bố trí vốn các dự án khởi công mới năm 2022 đang thực hiện các thủ tục hồ sơ theo quy định (13.500 triệu đồng)

Thực hiện Công văn số 29/TTHĐND ngày 29/4/2022 của Thường trực HĐND về việc cho ý kiến về chủ trương sử dụng nguồn cho các dự án khởi công mới trong Kế hoạch Đầu tư công năm 2022. Tại mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 bố trí các dự án khởi công mới năm 2022 đang thực hiện các thủ tục hồ sơ theo quy định, số tiền 13.500 triệu đồng. UBND huyện đã chủ động bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã được HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư, và đã phê duyệt báo cáo kỹ thuật theo quy định nhằm đảm bảo kịp thời tiến độ thực hiện dự án.

*(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm).*

\* Khoản kinh phí giao UBND huyện chủ động điều hành chi đầu tư năm 2022

Trong năm 2022 khoản kinh phí giao UBND huyện chủ động điều hành chi đầu tư năm 2022 là 17.000 triệu đồng, đến nay đã cấp 6.958 triệu đồng, còn lại 10.042 triệu đồng. Trong đó:

- Hỗ trợ xây dựng KCH kênh mương và cứng hóa GTNT xã xây dựng NTM 2022: giao 2.500 triệu đồng, đã cấp 850 triệu đồng, còn lại 1.650 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng một số tiêu chí NTM: giao 5.000 triệu đồng, đã cấp 4.950 triệu đồng, còn lại 50 triệu đồng.

- Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính: giao 9.500 triệu đồng, đã cấp 1.158 triệu đồng, còn lại 8.342 triệu đồng.

Khoản kinh phí giao UBND huyện chủ động điều hành chi đầu tư năm 2022 đến nay còn lại chưa cấp là 10.042 triệu đồng, UBND huyện để lại kinh phí nhằm bù hụt thu tiền cấp quyền sử dụng đất năm 2022.

*(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)*

## **2. Tình hình xử lý nợ xây dựng cơ bản**

Qua rà soát, tổng hợp, khối lượng nợ XDCB đến 30/9/2022 trên địa bàn huyện Bố Trạch là 104.875 triệu đồng (trong đó: TPCP, NSTW, ngân sách tỉnh 6.140 triệu đồng, ngân sách huyện 6.154 triệu đồng; ngân sách xã và nguồn khác 92.834 triệu đồng). So với thời điểm 31/12/2021 (là 140,06 tỷ đồng) nợ XDCB giảm 35.185 triệu đồng.

Nhìn chung các địa phương đơn vị đã chú trọng công tác xử lý nợ XDCB theo đúng quy định. Tuy nhiên, một số xã còn có số nợ lớn đến ngày 30/9/2022 như: Trung Trạch 20.798 triệu đồng, Đức Trạch 10.094 triệu đồng, Hòa Trạch 9.266 triệu đồng, Hạ Trạch 6.397 triệu đồng, Cự Năm 7.565 triệu đồng, Lý Trạch

5.883 triệu đồng, Tây Trạch 4.975 triệu đồng, Vạn Trạch 4.869 triệu đồng, Sơn Lộc 3.506 triệu đồng.

**Một số nguyên nhân chủ yếu:**

- Nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng của các địa phương đòi hỏi cần nguồn vốn khá lớn, trong khi nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện hưởng còn thấp, chủ yếu dựa vào tiền sử dụng đất, vì vậy vốn đầu tư công của huyện còn phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ từ cấp trên, việc huy động các khoản đóng góp còn hạn chế, đặc biệt là áp lực về việc hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương đăng ký về đích nông thôn mới.

- Việc dự ước các nguồn vốn đầu tư công trung hạn và vốn hàng năm để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn còn gặp khó khăn, đặc biệt là ở các xã vùng đặc biệt khó khăn.

- Một số công trình do UBND xã làm chủ đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chậm quyết toán dẫn đến nợ đọng XDCB của những công trình này chưa thể xử lý dứt điểm.

- Một số dự án do UBND cấp xã phê duyệt nhiều dự án nhưng không tính đến khả năng cân đối vốn khiến việc đầu tư không theo thứ tự ưu tiên, công tác thẩm tra, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn còn hạn chế; một số chủ đầu tư chưa quan tâm và kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công hàng năm cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công.

- Hồ sơ về thiết kế xây dựng - dự toán lập không đảm bảo yêu cầu phải điều chỉnh, bổ sung khối lượng; quản lý thi công chưa chặt chẽ, tiến độ thi công kéo dài phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, gây phát sinh nợ đọng XDCB.

- Việc thực hiện các dự án tạo quỹ đất còn chậm nên một số địa phương thu ngân sách chưa đạt kế hoạch, không bố trí đủ vốn để trả nợ. Bên cạnh đó một số chủ đầu tư thiếu sự quan tâm chỉ đạo, chưa chủ động, tích cực trong việc xử lý nợ đọng XDCB.

- Năm 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022-2025, tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách đã thay đổi, nhiều xã hoàn thành nông thôn mới, các xã biên giới biển điều tiết hưởng còn từ 60% về 40% và 60% về 35%, đã ảnh hưởng đến kế hoạch trả nợ XDCB của các xã.

- Thủ tục tạo quỹ đất tại các xã còn vướng mắc, thị trường bất động sản có dấu hiệu trầm lắng vào những tháng cuối năm, nhiều cuộc đấu giá đất không có nhiều người tham gia, vì vậy kế hoạch thu tiền cấp quyền sử dụng đất không đạt dự toán huyện giao.

**3. Kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022**

**3.1. Kết quả đạt được**

Trong năm 2022, UBND huyện đã bố trí vốn cho 76 công trình từ nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách huyện, trong đó 59 công trình hoàn thành, chuyển tiếp từ giai đoạn trước chuyển qua, 17 công trình khởi công mới.

Ngoài nguồn vốn ngân sách huyện, kết hợp lồng ghép nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên và nguồn ngân sách của địa phương (xã, thị trấn), nhiều hạng mục công trình, trong đó chủ yếu là đường giao thông, kênh mương, thủy lợi, trường học đã được xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng, từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống giao thông, trường học trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu về học tập, đi lại, thông thương buôn bán cũng như cải thiện điều kiện sản xuất của người dân, nhất là tại các xã miền núi, vùng cao, tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn.

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 được UBND huyện điều hành khá linh hoạt, trong năm đã ban hành nhiều văn bản nhằm chỉ đạo thúc đẩy tiến độ giải ngân đầu tư công năm 2022, rà soát các công trình chậm tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các công trình có khối lượng trình HĐND huyện phê duyệt điều chỉnh,... Do đó, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 dự kiến đạt 91,94% so với Kế hoạch được giao, tăng so với các năm trước.

### **3.2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

- Nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất có dấu hiệu chững lại vào những tháng cuối năm, dự kiến nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp huyện đạt 95% nên tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 khó đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

- Một số dự án đã có triển khai thực hiện nhưng do nguồn vốn chưa đảm bảo nên tiến độ thi công chậm, khối lượng hoàn thành đạt thấp so với dự toán được duyệt. Nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện còn cao.

- Công tác báo cáo giám sát đánh giá đầu tư chưa được các chủ đầu tư quan tâm đúng mức.

#### **\* Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:**

- Do nhà nước sử dụng các công cụ tài chính để điều chỉnh nền kinh tế như tăng lãi suất, ngân hàng hạn chế cho vay dẫn đến thị trường bất động sản bị chững lại vào những tháng cuối năm nên thu tiền cấp quyền sử dụng đất không đạt dự toán huyện giao nên chưa đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho các công trình, dự án.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách huyện và nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên có hạn, trong khi nhu cầu đầu tư lớn nên việc huy động nguồn vốn cho đầu tư phát triển của huyện gặp nhiều khó khăn.

- Năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý của một số chủ đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu, còn lúng túng. Việc tổ chức triển khai thực hiện dự án mặc dù đã có nhiều cố gắng, tích cực, nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu.

- Một số chủ đầu tư chưa thực sự chủ động kiểm tra, đôn đốc, chưa chú trọng công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng cả về hồ sơ và thi công tại hiện trường.

## **II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

Trên cơ sở căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện, kế hoạch đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2021-2025, UBND huyện Bồ Trạch xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 với những nội dung như sau:

### **1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023**

Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Bám sát các mục tiêu, chủ trương của Đảng bộ các cấp và hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành trong, từng lĩnh vực của địa phương.

- Mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2023 phù hợp với hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 03/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về lập Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Công văn số 2580/KHĐT-TH ngày 19/9/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ Tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong năm 2023 theo đề xuất của các chủ đầu tư.

- Việc phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 đảm bảo theo thứ tự ưu tiên: Thanh toán nợ XDCB; dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt (đảm bảo thời gian bố trí vốn của dự án nhóm B không quá 4 năm và nhóm C không quá 3 năm); dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023; vốn cho các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật quy hoạch; đối với các dự án khởi công mới chỉ bố trí vốn kế hoạch năm 2023 cho các dự án thật sự cần thiết đáp ứng đủ các điều kiện: Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật đầu tư công; xem xét bố trí vốn cho xã về đích nông thôn mới trong năm 2023. Không bố trí công trình khởi công mới đối với các xã, thị trấn để phát sinh nợ XDCB năm 2022.

### **2. Kế hoạch đầu tư công năm 2023**

#### **2.1. Dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công năm 2023**

Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện quản lý và phân bổ là 175.267 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 31.217 triệu đồng.

- Tiền cấp quyền sử dụng đất: 144.050 triệu đồng

Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện quản lý và phân bổ năm 2023 tăng 40,6% so với kế hoạch năm 2022, do năm 2023 kế hoạch đầu tư công giao thêm

phần tạo quỹ đất 50.000 triệu đồng.

## 2.2. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2023

Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2023 là 175.267 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí tạo quỹ đất: 50.000 triệu đồng (chiếm 28,53% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Trả nợ các dự án hoàn thành, chuyên tiếp: 91.217 triệu đồng (chiếm 52,05% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Bố trí cho các dự án khởi công mới đã hoàn tất thủ tục đầu tư: 8.800 triệu đồng (chiếm 5,02% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2023 đang thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định: 10.345 triệu đồng (chiếm 5,9% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công). Các dự án này sẽ được bố trí vốn khi hoàn tất thủ tục đầu tư theo quy định.

- Đối ứng xây dựng 03 nhà tránh lũ đa năng do Hội vì sự phát triển của người khuyết tật tỉnh Quảng Bình (AEPD) tài trợ: 500 triệu đồng (chiếm 0,29% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

- Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính: 14.405 triệu đồng (chiếm 8,21% tổng Kế hoạch vốn đầu tư công).

(Chi tiết có Phụ lục 04 kèm theo)

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách huyện, UBND huyện kính báo cáo HĐND huyện xem xét./.

### Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



**Phụ lục 01**  
**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**(Nguồn vốn ngân sách huyện)**

(Kèm theo Báo cáo số: 302 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Bò Trạch)

Đơn: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NI)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG SỐ</b>					124.664	29.704	94.960	114.622	29.554	85.068		
I	Trả nợ và đầu tư xây dựng các công trình		389.673	219.085	190.885	91.849	25.704	66.145	91.849	25.704	66.145		
1	Trả nợ công trình hoàn thành, chuyển tiếp		343.673	208.985	184.235	87.599	25.504	62.095	87.599	25.504	62.095		
a	Lĩnh vực Nông nghiệp		42.505	21.605	19.905	11.015	2.015	9.000	11.015	2.015	9.000		
a.1	Sửa chữa công lấy nước đê Hoang xã Cự Năm	2020-2022	4.000	3.000	3.000	200	200		200	200		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.2	Cải tạo, nạo vét hồ Bàu Choi xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	2021-2023	4.500	1.500	1.500	800	300	500	800	300	500	UBND xã Nam Trạch	Dự kiến điều chỉnh công trình khác
a.3	Trạm bơm phục vụ sản xuất thôn Cù Lạc 2 - thị trấn Phong Nha	2021-2023	2.981	2.981	2.781	2.000	500	1.500	2.000	500	1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.4	Công cây gạo, xã Hòa Trạch, huyện Bố Trạch	2021-2023	3.000	1.000	1.000	500	500		500	500		UBND xã Hòa Trạch	
a.5	Đường dây trung thế, hạ thế và trạm biến áp phục vụ nuôi trồng thủy sản từ thôn 1 đến thôn 8 thị trấn Hoàn Lão	2021-2023	6.000	2.500	2.500	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000	UBND TT Hoàn Lão	
a.6	Hệ thống kênh mương thủy lợi cấp 1 thuộc thôn Tây Năm và Khương Sơn	2021-2023	1.800	900	900	300	300		300	300		UBND xã Cự Năm	
a.7	Sửa chữa công lấy nước dưới đập hồ chứa nước Bàu Cừa, xã Hải Phú	2021-2023	4.224	1.724	1.724	215	215		215	215		UBND huyện (thông qua BQL DA)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
a.8	Nạo vét kênh hồi từ Cầu Nhà Mần đến sông Rào Hiềm và cống Lập Luy	2021-2023	7.000	3.000	3.000	2.000		2.000	2.000		2.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.9	Sửa chữa, khắc phục, nâng cấp đập hồ Khe Nước	2021-2023	4.500	2.500	1.500	1.500		1.500	1.500		1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.10	Sửa chữa, khắc phục, nâng cấp đập Hồ Ô Ô	2021-2023	4.500	2.500	2.000	1.500		1.500	1.500		1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b	Lĩnh vực Giao thông		209.422	138.939	130.989	62.562	18.602	43.960	62.562	18.602	43.960		
b.1	Đường liên xã Lâm Trạch - Liên Trạch	2019-2021	5.000	5.000	5.000	750	300	450	750	300	450	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.2	Nâng cấp tuyến đường Kim Đồng và tuyến đường nội NVH trung tâm - Đường Quách Xuân Kỳ	2020-2022	1.604	1.604	1.604	75	75		75	75		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.3	Sửa chữa cầu đường sắt Ngân Sơn	2020-2022	8.655	8.655	7.463	2.180	537	1.643	2.180	537	1.643	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.4	Đường nối từ đường Lê Lợi đi xã Trung Trạch	2020	3.267	3.267	3.267	857	90	767	857	90	767	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.5	Đường giao thông liên thôn Tuyến thôn Trầm Mé đi thôn Na xã Sơn Trạch	2020-2022	10.000	4.000	3.684	1.600	900	700	1.600	900	700	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.6	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (từ đường Ba Trại đi xã Mỹ Trạch)	2020-2022	7.500	7.500	7.500	1.600	1.000	600	1.600	1.000	600	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.7	Nâng cấp tuyến đường Trần Hưng Đạo, đoạn từ QL1A đi Trường Lê Quý Đôn	2020-2022	10.000	10.000	10.000	1.700	700	1.000	1.700	700	1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	



TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
b.8	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đi đường sắt	2020-2022	10.400	10.400	10.100	4.100	1.050	3.050	4.100	1.050	3.050	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.9	Đường từ xã Hải Phú đi đường tỉnh 561 tại xã Vạn Trạch	2020-2022	9.000	9.000	9.000	2.500	1.000	1.500	2.500	1.000	1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.10	Nâng cấp đường quanh chợ Hoàn Lão	2020-2022	4.000	4.000	2.358	600	600		600	600		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.11	Đường từ Chợ Hoàn Lão đi Bưu điện	2020-2022	10.000	7.000	6.000	2.500	1.000	1.500	2.500	1.000	1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.12	Xây dựng tuyến đường liên xã Phú Trạch đi Sơn Lộc, huyện Bố Trạch	2020-2022	20.000	6.000	6.000	1.800	1.000	800	1.800	1.000	800	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.13	Đường giao thông nối các điểm du lịch từ Khu nghỉ dưỡng Victory đến Oxalis (giai đoạn 2)	2021-2023	10.000	4.000	3.000	2.500	200	2.300	2.500	200	2.300	UBND TT Phong Nha	
b.14	Hệ thống đường GTNT xã Bắc Trạch	2021-2023	6.000	500	500	200	200		200	200		UBND xã Bắc Trạch	
b.15	Đường giao thông nội thị Tổ dân phố Quyết thắng, thị trấn Nông trường Việt Trung	2021-2023	3.500	2.500	2.500	1.500	500	1.000	1.500	500	1.000	UBND TT NTVT	
b.16	Nâng cấp, sửa chữa đường nối từ Chợ Phú Quý đi Tổ dân phố Thăng Lợi	2021-2023	3.500	2.500	1.500	1.500	500	1.000	1.500	500	1.000	UBND TT NTVT	
b.17	Đường giao thông trung tâm xã Vạn Trạch	2021-2023	8.000	3.000	3.000	2.300	500	1.800	2.300	500	1.800	UBND xã Vạn Trạch	
b.18	Đường ngập lụt từ thôn Nam Giang đi thôn Bắc Giang xã Hưng Trạch	2021-2023	6.000	1.500	1.500	1.000	300	700	1.000	300	700	UBND xã Hưng Trạch	
b.19	Đường GTNT thôn Liên Thủy (đoạn đi Rú Voi)	2021-2023	3.300	1.500	1.500	1.000	300	700	1.000	300	700	UBND xã Liên Trạch	
b.20	Đường GTNT thôn Phú Kinh (đoạn đi dè cây Tắt)	2021-2023	4.500	1.500	1.500	1.000	300	700	1.000	300	700	UBND xã Liên Trạch	
b.21	Đường nối từ tuyến đường huyện Khương Hà - Cự Năm vào thôn Bắc Năm	2021-2023	3.500	750	750	250	250		250	250		UBND xã Cự Năm	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
b.22	Đường liên xã Nam Trạch đi xã Tây Trạch qua xã Hòa Trạch (từ Nhà văn hóa Thôn Sen đi ngã ba đường IFAD thôn Cà)	2021-2023	983	800	800	500	500		500	500		UBND xã Hòa Trạch	
b.23	Đường GTNT từ thôn Đại Nam đi thôn Phương Hạ, xã Đại Trạch	2021-2023	10.000	1.000	1.000	500	500		500	500		UBND xã Đại Trạch	
b.24	Đường GTNT thôn Phú Hữu đi thôn Tân Hội	2021-2023	3.300	3.300	3.300	2.500	500	2.000	2.500	500	2.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.25	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Phường Bùn đi nhà văn hóa TK4)	2021-2023	9.000	9.000	7.500	7.000	1.000	6.000	7.000	1.000	6.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.26	Sửa chữa cầu treo Thanh Sen, xã Phúc Trạch	2021-2023	2.500	2.500	2.500	1.500	500	1.000	1.500	500	1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.27	Tuyến đường kết nối các điểm du lịch từ đường Hồ Chí Minh đi Bồng Lai thuộc xã Hưng Trạch	2021-2023	13.700	13.700	13.700	8.000	2.000	6.000	8.000	2.000	6.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.28	Đường GTNT nối Trung Định - Sơn Định	2021-2023	4.500	4.500	4.500	3.500	500	3.000	3.500	500	3.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.29	Nâng cấp tuyến đường nối thôn Bắc Sơn đi thôn Nam Duyệt, xã Hải Phú	2021-2023	2.600	2.000	2.000	1.250	250	1.000	1.250	250	1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.30	Đường GTNT từ thôn 1 - thôn 7, xã Xuân Trạch	2021-2023	5.000	5.000	5.000	4.000	1.250	2.750	4.000	1.250	2.750	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.31	Đường giao thông và ngầm tràn Thượng Trạch	2021-2023	3.113	463	463	300	300		300	300		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.32	Khắc phục sau bão lũ đối với công trình đường tránh lũ từ Ngã ba độc lập đi Quyết Thắng, thị trấn Nông trường Việt Trung	2021-2023	7.000	2.500	2.500	2.000		2.000	2.000		2.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c	Lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo		30.663	22.750	13.150	7.550	2.750	4.800	7.550	2.750	4.800		
c.1	Nhà lớp học và bộ môn Trường THCS Phú Định	2020-2022	4.867	3.100	2.000	1.000	500	500	1.000	500	500	UBND/BQL xã Phú Định	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-IIT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
c.2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường MN Sơn Lộc	2021-2023	4.500	1.500	1.000	250	250		250	250		UBND xã Sơn Lộc	
c.3	Nâng cấp khuôn viên, nhà bếp ăn bán trú Trường TH Hạ Trạch	2021-2023	4.546	2.000	1.000	500	200	300	500	200	300	UBND xã Hạ Trạch	
c.4	Nhà lớp học và khuôn viên Trường TH số 2 Xuân Trạch (Khu vực Vĩnh Sơn)	2021-2023	5.500	5.500	3.000	2.000	500	1.500	2.000	500	1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.5	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và hệ thống trang thiết bị Trường THCS Quách Xuân Kỳ	2021-2023	8.000	8.000	4.000	3.000	500	2.500	3.000	500	2.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.6	Hoàn thiện Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Bố Trạch (tại cơ sở mới)	2020-2022	1.650	1.650	1.650	300	300		300	300		Trung tâm BDCT huyện	
c.7	Sửa chữa Trường TH Lâm Trạch (Khu vực Tam trang)	2021-2023	1.600	1.000	500	500	500		500	500		UBND xã Lâm Trạch	
d	Lĩnh vực thể thao - văn hóa - xã hội	-	18.821	8.521	8.521	1.287	787	500	1.287	787	500	-	
d.1	Sửa chữa, nâng cấp Đài tưởng niệm trung tâm thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	2019-2021	3.821	2.521	2.521	287	287		287	287		Phòng LĐ-TB&XH huyện	
d.2	Quảng trường biển tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	2019-2021	15.000	6.000	6.000	1.000	500	500	1.000	500	500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
e	Lĩnh vực khác		42.261	17.170	11.670	5.185	1.350	3.835	5.185	1.350	3.835	-	
e.1	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc xã Xuân Trạch	2021-2023	1.500	700	700	200	200		200	200		UBND xã Xuân Trạch	
e.2	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc xã Lâm Trạch	2021-2023	1.500	700	700	200	200		200	200		UBND xã Lâm Trạch	
e.3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở cơ quan Huyện ủy	2021-2023	1.500	1.500	1.000	1.000	250	750	1.000	250	750	VP Huyện ủy	
e.4	Điện chiếu sáng từ cầu Hiêm đi Vạn Trạch (đoạn từ phía Đông chợ Hoàn Trạch đi cầu Bàu Hội)	2021-2023	4.770	4.770	4.770	785	500	285	785	500	285	UBND huyện (thông qua BQL DA)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
c.5	Trụ sở làm việc xã Phúc Trạch	2021-2023	9.500	1.500	1.500	1.000	200	800	1.000	200	800	UBND xã Phúc Trạch	
c.6	Trụ sở làm việc thị trấn Phong Nha	2021-2023	14.991	3.000	1.500	1.000		1.000	1.000		1.000	UBND TT Phong Nha	
c.7	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục hư hỏng tại Chợ Hoàn Lão	2021-2023	2.500	2.500	1.000	500	-	500	500	-	500	BQL các CTCC huyện	
c.8	Hệ thống điện chiếu sáng phục vụ du lịch: Tuyến 1 từ đường HCM đi khu nghỉ dưỡng Nguyễn Sắc và Lím; Tuyến 2 từ Ngã ba Phong Nha đi khu nghỉ dưỡng Phong Nha Escape Bungalow	2021-2023	6.000	2.500	500	500		500	500		500	UBND TT Phong Nha	
2	Đầu tư xây dựng mới		46.000	10.100	6.650	4.250	200	4.050	4.250	200	4.050		
a	Lĩnh vực Nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Lĩnh vực Giao thông		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
c	Lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo		46.000	10.100	6.650	4.250	200	4.050	4.250	200	4.050		
c.1	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THCS Hưng Trạch (khu vực Trung tâm)	2022-2024	8.000	2.200	2.200	800	200	600	800	200	600	UBND xã Hưng Trạch	
c.2	Nhà lớp học Trường TH số 1 Thanh Trạch	2022-2024	7.500	500	250	250	-	250	250		250	UBND xã Thanh Trạch	
c.3	Nhà hiệu bộ Trường TH số 4 Sơn Trạch	2022-2024	4.500	1.200	500	500	-	500	500		500	UBND TT Phong Nha	
c.4	Nhà lớp học chức năng 2 tầng 6 phòng Trường TH số 2 Sơn Trạch (khu vực trung tâm)	2022-2024	4.500	1.500	900	700	-	700	700		700	UBND TT Phong Nha	
c.5	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng chức năng Trường TH số 2 Hoàn Lão	2022-2024	9.000	1.000	600	600	-	600	600		600	UBND TT Hoàn Lão	
c.6	Phòng học kết hợp nhà hiệu bộ Trường mầm non Xuân Trạch (khu vực Vĩnh Sơn)	2022-2024	5.000	2.000	700	700	-	700	700		700	UBND xã Xuân Trạch	
c.7	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường MN Cự Năm	2022-2024	7.500	1.700	1.500	700	-	700	700		700	UBND xã Cự Năm	
d	Lĩnh vực thể thao - văn hóa - xã hội		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
e	Lĩnh vực khác		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
II	Các dự án khởi công mới năm 2022 đang thực hiện các thủ tục hồ sơ theo quy định		119.000	76.700	27.700	13.500		13.500	13.500		13.500		
1	Nhà chức năng Trường mầm non Mỹ Trạch		7.000	7.000	1.000	1.500		1.500	1.500		1.500		
2	Nhà lớp học 02 tầng 6 phòng Trường THCS Mỹ Trạch		4.500	4.500	700	1.000		1.000	1.000		1.000		

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT			KH vốn năm 2022	Trong đó		Số vốn dự kiến giải ngân đến 31/12/2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS			Vốn tập trung	Vốn tiền đất		Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
				Tổng số	Vốn ĐTC								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đồng)		3.000	3.000	1.200	1.000		1.000	1.000		1.000		
4	Đường GTNT khu vực thôn 7, thôn 8 Lý Trạch		3.500	3.500	1.800	1.800		1.800	1.800		1.800		
5	Xây dựng công trình Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện		3.000	3.000	3.000	2.100		2.100	2.100		2.100		
6	Đường phục vụ du lịch khu vực Hà Môn		11.500	11.500	11.500	1.300		1.300	1.300		1.300		
7	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (tuyến chính qua UBND xã Mỹ Trạch)		12.000	12.000	12.000	1.700		1.700	1.700		1.700		
8	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561		14.950	14.950	14.950	1.800		1.800	1.800		1.800		
9	Nâng cấp mặt đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Nguyễn Tất Thành		9.000	9.000	9.000	900		900	900		900		
10	Sửa chữa nhà truyền thống và thư viện huyện Bồ Trạch		2.000	2.000	2.000	400		400	400		400		
III	Đổi ứng xây dựng 03 nhà tránh lũ đa năng do Hội vì sự phát triển của người khuyết tật tỉnh Quảng Bình (AEPD) tài trợ	2022-2023	4.300	4.300	4.300	2.315	2.000	315	2.315	2.000	315		Dự kiến điều chỉnh công trình khác
IV	Hỗ trợ xây dựng KCH kênh mương và cứng hóa GTNT xã xây dựng NTM 2022	2022				2.500	1.000	1.500	850	850,00	-		Giao UBND huyện chủ động phân bổ bảo cáo HDND huyện tại kỳ họp gần nhất
V	Hỗ trợ xây dựng một số tiêu chí NTM	2022				5.000	1.000	4.000	4.950	1.000	3.950		Giao UBND huyện chủ động phân bổ bảo cáo HDND huyện tại kỳ họp gần nhất
VI	Đổi ứng DA tạo quỹ đất, XD CSHT và GPMB	2022											
VII	Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	2022				9.500		9.500	1.158		1.158		



Phụ lục 02  
**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
(Các công trình khởi công mới hoàn tất thủ tục đầu tư)

Kiểm theo Báo cáo số: 302 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Bồ Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Bố trí năm 2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Vốn tập trung	Vốn tiền đất			
				Tổng số (tất cả các NV)							Trong đó vốn huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Các dự án khởi công mới năm 2022 đang thực hiện các thủ tục hồ sơ theo quy định			70.450	70.450		13.500	-	13.500		
1	Nhà chức năng Trường Mầm non Mỹ Trạch	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	7.000	7.000	324/QĐ-UBND ngày 20/02/2022	1.500		1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	
2	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Mỹ Trạch	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	4.500	4.500	323/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1.000		1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	
3	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đồng)	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	3.000	3.000	936/QĐ-UBND ngày 1/4/2022	1.000		1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Bố trí năm 2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Vốn tập trung	Vốn tiền đất			
				Tổng số (tất cả các NV)							Trong đó vốn huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Đường GTNT khu vực thôn 7, thôn 8 Lý Trạch	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	3.500	3.500	1001/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	1.800		1.800	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	
5	Xây dựng công trình Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện	2022	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	3.000	3.000	1026/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	2.100		2.100	Ban chỉ huy quân sự huyện	
6	Đường phục vụ du lịch khu vực Hà Môn	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	11.500	11.500	1302/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	1.300		1.300	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	
7	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (tuyến chính qua UBND xã Hạ Trạch)	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	12.000	12.000	1332/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	1.700		1.700	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	
8	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	14.950	14.950	1273/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	1.800		1.800	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Bố trí năm 2022	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Vốn tập trung	Vốn tiền đất			
				Tổng số (tất cả các NV)							Trong đó vốn huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9	Nâng cấp mặt đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Nguyễn Tất Thành	2022-2024	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	9.000	9.000	1488/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	900		900	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	
10	Sửa chữa nhà truyền thống và thư viện huyện Bồ Trạch	2022-2024	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/3/2022	2.000	2.000	1247/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	400		400	UBND huyện (thông qua BQL DA ĐTXD&PTQĐ)	







**Phụ lục 03**  
**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**(Phần bố trí và phân bổ sau)**

(Xem theo Báo cáo số: 302 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Bò Trạch)

Đơn: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Kinh phí bố trí đầu năm 2022	Đã cấp năm 2022	Trong đó		Kinh phí còn lại	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn tập trung	Vốn tiền đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		17.000	6.958	1.850	5.108	10.042		
I	Hỗ trợ xây dựng KCH kênh mương và cứng hóa GTNT xã xây dựng NTM 2022	2.500	850	850	-	1.650		
1	Đường giao thông nông thôn nội vùng thôn Nhân Hồng xã Nhân Trạch		350	350			UBND xã Nhân Trạch	
2	Đường GTNT sau lưng nhà hàng Tân Kiều đến trại chăn nuôi ông Thanh		500	500			UBND xã Nhân Trạch	
II	Hỗ trợ xây dựng một số tiêu chí NTM	5.000	4.950	1.000	3.950	50		
1	Hệ thống đường GTNT tại xóm 5 thôn Nhân Quang		300	300			UBND xã Nhân Trạch	
2	Đường GTNT thôn Phương Hạ, Đại Nam 1, Đại Nam 2 xã Đại Trạch		200	200			UBND xã Đại Trạch	
3	Nâng cấp các tuyến đường QL1A đi đường quan xã Bắc Trạch		500		500		UBND xã Bắc Trạch	
4	Khuôn viên hàng rào Trường THCS Bắc Trạch		300		300		UBND xã Bắc Trạch	
5	Sửa chữa đường từ cửa ông Tánh thôn 5 đến đường liên xã Mỹ Trạch - Hạ Trạch		350		350		UBND xã Mỹ Trạch	
6	Đường GTNT trên địa bàn thôn 3 Phúc Khê xã Phúc Trạch		400		400		UBND xã Phúc Trạch	
7	Nhà lớp học và các phòng chức năng Trường THCS Đại Trạch		500	500			UBND xã Đại Trạch	

TT	Danh mục công trình	Kinh phí bố trí đầu năm 2022	Đã cấp năm 2022	Trong đó		Kinh phí còn lại	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Vốn tập trung	Vốn tiền đất			
8	Hệ thống thoát nước trong khu dân cư thôn Đại Nam 1 xã Đại Trạch		200		200		UBND xã Đại Trạch	
9	Đường từ quốc lộ 1A đoạn thôn 1 đi Đê Hữu tuyến Sông Gianh, đường lỏi ông Các thôn 1, đường từ Hội trường quyết tiến ra vùng hồ tôm đoạn thôn 2		1.000		1.000		UBND xã Bắc Trạch	
10	Nâng cấp, sửa chữa đường qua trụ sở UBND xã Mỹ Trạch		1.200		1.200		UBND xã Mỹ Trạch	
III	Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	9.500	1.158	-	1.158	8.342		



Phụ lục 04  
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM NĂM 2023  
(Nguồn vốn ngân sách huyện)

(Kèm theo Báo cáo số 302 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Bò Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG SỐ</b>		453.761	341.723	136.010	202.885	175.267	31.217	144.050		
I	Kinh phí tạo quỹ đất						50.000		50.000		Hoàn trả kinh phí đã ứng của Quỹ đất tỉnh để tạo quỹ đất (Dự án khai thác quỹ đất PTKCHT chính trang đô thị tại KV phía Nam sông Phường Bún và Dự án HTPTQĐ ở KV ngã ba Hoàn Lão
II	Trả nợ và đầu tư xây dựng các công trình		380.351	287.473	135.510	149.135	100.017	31.217	68.800		
1	Trả nợ công trình hoàn thành, chuyển tiếp		346.051	265.573	135.510	127.235	91.217	30.217	61.000		
a	Lĩnh vực Nông nghiệp		30.981	19.981	7.545	12.235	8.146	6.010	2.136		
a.1	Trạm bơm phục vụ sản xuất thôn Cù Lạc 2 - thị trấn Phong Nha	2021-2023	2.981	2.981	1.845	1.025	900	900		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.2	Nạo vét kênh hồi từ Cầu Nhà Mán đến sông Rào Hiểm và cống Lập Lụy	2021-2023	7.000	3.000	2.000	970	970	970		UBND huyện (thông qua BQL DA)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a.3	Sửa chữa, khắc phục, nâng cấp đập hồ Khe Nước	2021-2023	4.500	2.500	1.500	970	970	970		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.4	Sửa chữa, khắc phục, nâng cấp đập Hồ Ó Ó	2021-2023	4.500	2.500	1.500	970	970	970		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.5	Hệ thống điện khu nuôi trồng thủy sản tập trung xã Hải Phú	2022-2024	7.500	7.500	-	7.500	3.536	1.400	2.136	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
a.6	Cải tạo, nạo vét hồ Bàu Chối xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	2021-2023	4.500	1.500	700	800	800	800		UBND xã Nam Trạch	
<b>b</b>	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>		<b>183.301</b>	<b>169.201</b>	<b>90.628</b>	<b>76.081</b>	<b>53.136</b>	<b>14.586</b>	<b>38.550</b>		
b.1	Sửa chữa cầu đường sắt Ngân Sơn	2020-2022	8.655	8.655	8.463	179	179	179		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.2	Đường giao thông liên thôn Tuyên thôn Trầm Mé đi thôn Na xã Sơn Trạch	2020-2022	10.000	4.000	3.684	310	310	310		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.3	Nâng cấp tuyến đường Trần Hưng Đạo, đoạn từ QL1A đi Trường Lê Quý Đôn	2020-2022	10.000	10.000	9.700	210	210	210		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.4	Đường từ xã Hải Phú đi đường tỉnh 561 tại xã Vạn Trạch	2020-2022	11.200	11.200	5.000	6.070	4.000	1.000	3.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.5	Nâng cấp đường quanh chợ Hoàn Lão	2020-2022	4.000	4.000	3.947	15	15	15		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.6	Đường nối từ đường Lê Lợi đi xã Trung Trạch	2020-2022	3.267	3.267	2.929	270	270	270		UBND huyện (thông qua BQL DA)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
b.7	Đường từ Chợ Hoàn Lão đi Bưu điện	2020-2022	13.000	10.000	6.500	2.750	2.750	1.000	1.750	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.8	Đường GTNT thôn Phú Hữu đi thôn Tân Hội	2021-2023	3.300	3.300	3.000	250	250	250		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.9	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Phường Bún đi nhà văn hóa TK4)	2021-2023	9.000	9.000	7.500	1.210	1.000	500	500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.10	Sửa chữa cầu treo Thanh Sen, xã Phúc Trạch	2021-2023	2.500	2.500	2.000	430	430	430		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.11	Tuyến đường kết nối các điểm du lịch từ đường Hồ Chí Minh đi Bồng Lai thuộc xã Hưng Trạch	2021-2023	13.700	13.700	8.700	5.000	4.000	500	3.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.12	Đường GTNT nối Trung Định - Sơn Định	2021-2023	4.500	4.500	4.000	90	90	90		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.13	Nâng cấp tuyến đường nối thôn Bắc Sơn đi thôn Nam Duyệt, xã Hải Phú	2021-2023	2.600	2.000	1.750	167	167	167		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.14	Đường GTNT từ thôn 1 - thôn 7, xã Xuân Trạch	2021-2023	5.000	5.000	4.500	450	450	450		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.15	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (từ đường Ba Trại đi xã Mỹ Trạch)	2020-2022	8.700	8.700	7.500	480	480	480		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.16	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đồng)	2022-2024	3.000	3.000	1.000	2.000	1.500	500	1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.17	Đường GTNT khu vực thôn 7, thôn 8 Lý Trạch	2022-2024	3.500	3.500	1.800	1.700	1.200	400	800	UBND huyện (thông qua BQL DA)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
b.18	Đường phục vụ du lịch khu vực Hà Môn	2022-2024	11.500	11.500	1.300	10.200	6.500	500	6.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.19	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	2022-2024	14.950	14.950	2.455	12.495	7.000	1.000	6.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.20	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hạ Trạch Mỹ Trạch (tuyến chính qua UBND xã Hạ Trạch)	2022-2024	12.000	12.000	1.700	10.300	7.359	859	6.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.21	Nâng cấp mặt đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Nguyễn Tất Thành	2022-2024	9.000	9.000	1.200	8.100	6.000	1.500	4.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.22	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội thị Hoàn Lão	2022-2024	10.000	10.000	-	10.000	6.000	2.500	3.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.23	Hệ thống đèn tín hiệu giao thông nút giao ngã tư đường Quách Xuân Kỳ - Trần Phú và Trần Hưng Đạo - Trần Phú	2022-2024	2.929	2.929	-	2.929	2.500	1.000	1.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
b.24	Khắc phục sau bão lũ đối với công trình đường tránh lũ từ Ngã ba độc lập đi Quyết Thắng, thị trấn Nông trường Việt Trung	2021-2023	7.000	2.500	2.000	476	476	476	-	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
<b>c</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục &amp; Đào tạo</b>		<b>79.500</b>	<b>43.050</b>	<b>20.200</b>	<b>22.715</b>	<b>17.615</b>	<b>5.865</b>	<b>11.750</b>		
c.1	Nhà lớp học và khuôn viên Trường TH số 2 Xuân Trạch (Khu vực Vĩnh Sơn)	2021-2023	5.500	5.500	5.000	480	480	480	-	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.2	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và hệ thống trang thiết bị Trường THCS Quách Xuân Kỳ	2021-2023	8.000	8.000	7.500	440	440	440	-	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.3	Công, hàng rào, sân bê tông Trường mầm non Mỹ Trạch	2022-2024	2.000	2.000	-	2.000	1.500	500	1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.4	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Mỹ Trạch	2022-2024	4.500	4.500	1.000	3.500	2.500	500	2.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.5	Nhà chức năng Trường MN Mỹ Trạch	2022-2024	7.000	7.000	1.500	5.500	4.000	500	3.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
c.6	Nâng cấp khuôn viên, cải tạo phòng học Trường THCS Sơn Trạch	2021-2023	3.000	1.500	1.200	245	245	245		UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.7	Nhà bếp ăn Trường mầm non Phúc Trạch (khu vực Thanh Sen - Chày Lập)	2022-2024	2.500	700	-	700	700	300	400	UBND xã Phúc Trạch	
c.8	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THCS Hưng Trạch (khu vực Trung tâm)	2022-2024	8.000	2.200	800	1.400	800	300	500	UBND xã Hưng Trạch	
c.9	Nhà hiệu bộ Trường TH số 4 Sơn Trạch	2022-2024	4.500	1.200	500	700	700	300	400	UBND TT Phong Nha	
c.10	Nhà lớp học chức năng 2 tầng 6 phòng Trường TH số 2 Sơn Trạch (khu vực trung tâm)	2022-2024	4.500	1.500	700	800	800	400	400	UBND TT Phong Nha	
c.11	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng chức năng Trường TH số 2 Hoàn Lão	2022-2024	9.000	1.000	600	400	400	400		UBND TT Hoàn Lão	
c.12	Phòng học kết hợp nhà hiệu bộ Trường mầm non Xuân Trạch (khu vực Vĩnh Sơn)	2022-2024	5.000	2.000	700	1.300	1.300	500	800	UBND xã Xuân Trạch	
c.13	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường MN Cự Năm	2022-2024	7.500	1.700	700	1.000	1.000	500	500	UBND xã Cự Năm	
c.14	Xây dựng nhà lớp học chức năng và nhà hiệu bộ Trường TH Hải Trạch	2022-2024	8.500	4.250	-	4.250	2.750	500	2.250	UBND xã Hải Phú	
d	Lĩnh vực thể thao - văn hóa - xã hội	-	30.321	20.385	10.136	10.249	6.864	1.300	5.564		
d.1	Quảng trường biển tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	2019-2021	15.000	6.000	3.900	2.100	1.000	300	700	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
d.2	Sửa chữa, nâng cấp Đài tưởng niệm trung tâm thị trấn Hoàn Lão	2020-2022	3.821	2.885	2.521	364	364		364	Phòng LĐ TB&XH huyện	
d.3	Sửa chữa nhà truyền thống và thư viện huyện Bố Trạch	2022-2024	2.000	2.000	400	1.600	1.000		1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
d.4	Nâng cấp mở rộng khu di tích ga Bố Trạch	2021-2023	9.500	9.500	3.315	6.185	4.500	1.000	3.500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
e	Lĩnh vực khác		21.948	12.957	7.001	5.956	5.456	2.456	3.000		



TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
e.1	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục hư hỏng tại Chợ Hoàn Lão	2021-2023	2.457	2.457	1.901	556	556	556		BQL các CTCC huyện	
e.2	Khuôn viên và hệ thống thoát nước Chợ Mỹ Trạch	2022-2024	1.500	1.500	-	1.500	1.000	500	500	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
e.3	Xây dựng hệ thống công trình phục vụ diễn tập KVPT	2022-2024	3.000	3.000	2.100	900	900	400	500	Ban chỉ huy QS huyện	
e.4	Trụ sở làm việc thị trấn Phong Nha	2021-2023	14.991	6.000	3.000	3.000	3.000	1.000	2.000	UBND TT Phong Nha	
2	Đầu tư xây dựng mới		34.300	21.900	-	21.900	8.800	1.000	7.800		
a	Lĩnh vực Nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-		
b	Lĩnh vực Giao thông		13.800	7.050	-	7.050	3.800	-	3.800		
b.1	Đường giao thông từ ngã ba đường IFAD (thôn Cà) đi hướng đường Hồ Chí Minh (GD2)	2022-2024	2.200	1.700	-	1.700	1.000		1.000	UBND xã Hòa Trạch	
b.2	Đường GTNT Phú Hữu đi Tân Hội (Đoạn từ nhà ông Uýnh)	2023-2025	3.100	1.550	-	1.550	900		900	UBND xã Liên Trạch	
b.3	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã đoạn từ cầu Nam Trạch đi nhà ông Thao thôn Đông Thành	2022-2024	4.500	1.800	-	1.800	900		900	UBND xã Nam Trạch	
b.4	Đường GTNT xã Hưng Trạch	2022-2024	4.000	2.000	-	2.000	1.000		1.000	UBND xã Hưng Trạch	
c	Lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo		15.500	9.850	-	9.850	3.000	-	3.000		
c.1	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Phú Trạch	2022-2024	1.500	750	-	750	400		400	UBND xã Hải Phú	
c.2	Nhà lớp học chức năng 2 tầng 4 phòng Trường THCS Phú Trạch	2022-2024	4.000	2.000	-	2.000	1.000		1.000	UBND xã Hải Phú	
c.3	Nhà lớp học Trường TH số 2 Xuân Trạch, khu vực Ngọn Rào	2022-2024	5.500	5.500	-	5.500	1.000		1.000	UBND huyện (thông qua BQL DA)	
c.4	Nhà chức năng Trường THCS số 1 Hoàn Lão	2022-2024	4.500	1.600	-	1.600	600		600	UBND TT Hoàn Lão	

TT	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức ĐT		NS huyện đã bố trí đến 31/12/22	Nhu cầu vốn còn lại	KH vốn năm 2023	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các NV)	Trong đó NS huyện				Vốn tập trung	Vốn tiền đất		
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
<i>d</i>	Lĩnh vực thể thao - văn hóa - xã hội		-	-	-	-	-	-	-		
<i>e</i>	Lĩnh vực khác		5.000	5.000	-	5.000	2.000	1.000	1.000		
<i>e.1</i>	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại trụ sở cơ quan UBND huyện	2022-2024	5.000	5.000		5.000	2.000	1.000	1.000	Văn phòng HĐND - UBND	
<b>III</b>	Các dự án khôi công mới năm 2023 đang thực hiện các thủ tục hồ sơ theo quy định		63.900	49.950	-	49.950	10.345		10.345		UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ chi tiết khi hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định
<b>IV</b>	Đổi ứng xây dựng 03 nhà tránh lũ đa năng do Hội vì sự phát triển của người khuyết tật tỉnh Quảng Bình (AEPD) tài trợ	2022-2024	9.510	4.300	500	3.800	500	-	500		
<i>1</i>	Xây dựng 3 nhà tránh lũ cộng đồng tại 3 xã Hưng Trạch, Phúc Trạch và Liên Trạch	2022-2024	9.510	4.300	500	3.800	500		500		
<b>V</b>	Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	2023		-			14.405		14.405		